

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày: 11 - 7 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng T, sinh năm 1958

Trú tại: Ấp 5, xã KH, huyện U, tỉnh C (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thê: Bà Trần Như N, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. (có mặt).

- Bị đơn: bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1963

Trú tại: Ấp 7, xã KT, huyện U M, tỉnh C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2022 và tại phiên tòa bà Trần Như N cùng ông Nguyễn Hùng T trình bày:

Vào ngày 28/9/2020, bà H có mượn của ông T số tiền 56.000.000 đồng, có làm biên nhận, bà H hứa khi nào chuyển nhượng được đất cho bà Diễm lấy tiền trả lại cho ông T, nhưng đến nay bà H không chuyển nhượng đất và cũng không trả tiền lại cho ông T, ông T đòi nhiều lần, bà H hứa trả nhưng đến nay không trả. Ông T yêu cầu bà H trả số tiền 56.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án ngày 18/4/2022 và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị H trình bày:

Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2022 bà H trình bày: Bà H có nợ ông T số tiền 53.000.000 đồng, không phải là 56.000.000 đồng; trong số tiền 53.000.000 đồng có 21.000.000 đồng tiền lãi và đã trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 48.000.000 đồng, bà H đồng ý trả số tiền 48.000.000 đồng cho ông Thử. Bà H xác định biên nhận do ông T cung cấp là do bà ký tên và viết họ và tên Huỳnh Thị H trong biên nhận.

Tại phiên tòa bà H trình bày: Số tiền bà nợ ông T 53.000.000 đồng, trong đó 32.000.000 đồng tiền bà mua số đề từ ông T và số tiền lãi là 21.000.000 đồng của số tiền 32.000.000 đồng, bà đã trả được 5.000.000 đồng còn lại 48.000.000 đồng, bà đồng ý trả 48.000.000 đồng cho ông T. Đối với biên nhận ngày 28/9/2020 ông T cung cấp chữ viết Huỳnh Thị H là do bà viết.

- *Tại phiên tòa:* Ông T trình bày, bà H nợ ông số tiền 56.000.000 đồng, chưa trả phần nào, tiền ông cho vay, ông không có bản số đề như trình bày của bà H, số tiền 56.000.000 đồng ông đưa bà H một lần, ông T yêu cầu bà H trả số tiền 56.000.000 đồng. Còn bà H chỉ đồng ý trả số tiền 48.000.000 đồng cho ông T.

- *Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông T trình bày:* Ông T có cho bà H mượn số tiền 56.000.000 đồng là có thật thể hiện tại biên nhận ngày 28/9/2020 nên yêu cầu của ông T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 buộc bà H trả cho ông T số tiền 56.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hùng T, khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả tiền, xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hùng T xác định bà Huỳnh Thị H có hỏi mượn số tiền 56.000.000 đồng nhưng chưa trả, ông T yêu cầu bà H trả tiền. Ông T chứng minh bằng biên nhận đề ngày 28/9/2020, Thiệu bà H có mượn của ông T số tiền là 56.000.000 đồng. Còn bà H xác định chỉ có nợ ông T số tiền 53.000.000 đồng, trong đó 32.000.000 đồng tiền bà mua số đề của ông T và 21.000.000 đồng là tiền lãi nhưng bà đã trả được 5.000.000 đồng còn lại 48.000.000 đồng, bà H đồng ý trả cho ông Thử. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận theo lời trình bày của bà H. Ngoài ra, Bà H cho rằng số tiền nợ là tiền bà mua số đề từ ông T và có trả được 5.000.000 đồng nhưng bà H không chứng minh được. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2022 bà H thừa nhận biên nhận ngày 28/9/2020 là do bà ký và ghi họ tên của bà và tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận chữ viết Huỳnh Thị H trong biên nhận ngày 28/9/2020 là chữ viết của bà. Từ đó, có căn cứ khẳng định bà H có nợ ông T số tiền 56.000.000 đồng nên yêu cầu của ông T là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà Huỳnh Thị H trả cho ông Nguyễn Hùng T số tiền 56.000.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

[3] Từ phân tích nêu trên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị buộc bà H trả cho ông T số tiền 56.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của ông Nguyễn Hùng T được chấp nhận nên không phải chịu án phí và ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Án phí có giá ngạch trên số tiền bà Huỳnh Thị H phải trả cho ông Nguyễn Hùng T là 56.000.000 đồng x 5% = 2.800.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả tiền.

- Buộc bà Huỳnh Thị H trả cho ông Nguyễn Hùng T số tiền là 56.000.000 (Năm mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hùng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị H chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì bà H còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Hùng T không phải chịu án phí, ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Thị H phải chịu 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

